

Bản án số: **24/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 14/6/2022

“V/v: Yêu cầu không công nhận vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính và ông Vũ Xuân Dữ.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Ninh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.
- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Ninh Trọng Khánh, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 96/2022/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 về “Yêu cầu không công nhận vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trương Thị T, sinh năm 1972; ĐKKHKT và trú tại: xóm K, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (có mặt)
- **Bị đơn:** Anh Ngô Văn T1, sinh năm 1970; ĐKKHKT và trú tại: xóm K, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trương Thị T trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Chị quê gốc tại xã K, huyện K và anh Ngô Văn T1 quê gốc tại xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Anh chị về chung sống với nhau từ năm 1989 tại xóm K, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình, không có đăng ký kết hôn. Sau một thời gian chung sống, chị và anh T1 xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân do anh T1 chơi bời dẫn đến nợ nần. Chị đã nhiều lần khuyên giải, đứng ra trả nợ cho anh T1 nhưng anh T1 không thay đổi. Chị phát hiện anh T1 có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Bản thân chị vì con nên chấp nhận chung sống. Đến năm 2016, mâu thuẫn ngày càng nặng nề, chị và anh T1 đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm anh chị không còn, cuộc sống chung không hòa hợp, không thể duy trì. Chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh T1 là vợ chồng.

Về con chung: Chị xác định chị và anh T1 có 02 con chung là Ngô Văn T2, sinh năm 1990 và Ngô Thị Mai L, sinh năm 2001. Hiện các con chung đều đã trưởng thành tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản: Chị và anh T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Ngô Văn T1 trong đơn trình bày ngày 13/5/2022 và quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Anh và chị T về chung sống với nhau tại xóm K, xã K từ năm 1989, không có đăng ký kết hôn. Anh chị chỉ chung sống với nhau một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, lối sống. Bản thân anh có lỗi do chưa chăm sóc, quan tâm đến cuộc sống gia đình nhiều. Mặc dù đã nhiều lần hòa giải, gia đình hai bên khuyên giải nhưng mâu thuẫn không được khắc phục mà ngày càng nặng nề. Do vậy anh và chị T đã sống ly thân từ năm 2016. Nay chị T yêu cầu việc không công nhận anh chị là vợ chồng thì anh cũng nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết

Về con chung: Anh cũng xác nhận anh và chị T có 2 con chung là Ngô Văn T2, sinh năm 1992 và Ngô Thị Mai L, sinh năm 2001 đều đã thành niên, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Do bận công việc, không tham gia vào phiên xét xử tại Tòa án được, anh có đơn xin xét xử vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14: Không công nhận là vợ chồng giữa chị Trương Thị T và anh Ngô Văn T1; chị T phải nộp án phí yêu cầu không công nhận vợ chồng sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Trương Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết việc không công nhận vợ chồng với anh Ngô Văn T1, cư trú tại xóm K, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Bị đơn anh Ngô Văn T1 đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật nhưng vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn

[2] Về yêu cầu khởi kiện: theo chị Trương Thị T trình bày chị và anh Ngô Văn T1 về chung sống với nhau từ năm 1989 không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống của anh chị phát sinh mâu thuẫn do anh T1 chơi bời, nợ nần, có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2016

Về phía anh T1 anh cũng xác nhận vợ chồng về chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn từ năm 1989. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, lối sống, bản thân anh có lỗi vì không quan

tâm, chăm sóc chị T và các con. Vì mâu thuẫn nên anh và chị T đã sống ly thân từ năm 2016

Căn cứ vào các chứng cứ do chị T cung cấp là đơn đề nghị đề ngày 26/4/2022 có xác nhận của UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình, là quê gốc của chị T xác định UBND xã không còn lưu trữ các hồ sơ đăng ký kết hôn và sổ đăng ký kết hôn vào thời điểm năm 1989.

Xác minh tại UBND xã Đ là quê gốc của anh Ngô Văn T1 thì UBND xã cung cấp hiện hồ sơ lưu trữ tại UBND xã chỉ lưu trữ từ năm 1999 trở lại đây, trước năm 1999, UBND xã không còn lưu trữ hồ sơ đăng ký kết hôn và xác nhận UBND xã chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn cho chị T và anh T1.

Xác minh tại UBND xã K là nơi anh chị cư trú xác nhận anh T1, chị T có chung sống với nhau tại xóm K, xã K. Địa phương không nắm được nguyên nhân dẫn đến việc anh chị xảy ra mâu thuẫn là gì vì chưa hòa giải tại cơ sở. Về con chung, anh T1 và chị T có 2 con chung đều đã thành niên. Nay chị T làm thủ tục yêu cầu không công nhận vợ chồng với anh Ngô Văn T1, địa phương yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ đó đủ cơ sở xác định anh T1 và chị T không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do mâu thuẫn trong cuộc sống chung không thể khắc phục được, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa, vỡ vụn yêu cầu không công nhận họ là vợ chồng của chị T theo quy định tại điều 14 luật HNGĐ là có căn cứ cần được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung : Quá trình chung sống chị Trương Thị T và anh Ngô Văn T1 có 02 con chung là Ngô Văn T2, sinh năm 1990 và Ngô Thị Mai L, sinh năm 2001, hiện các con chung đã trưởng thành tự lập nên chị T không yêu cầu giải quyết. Về phía anh T1 cũng nhất trí nội dung này

Xét các con chung của anh T1 và chị T đều đã thành niên; vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị Trương Thị T trình bày chị và anh Ngô Văn T1 sẽ tự thỏa thuận về tài sản chung. Anh T1 không có ý kiến phản đối. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề tài sản chung

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc chị T phải nộp toàn bộ án phí không công nhận vợ chồng sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 14 Luật HNGĐ; Điều 147, 227 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không công nhận vợ chồng giữa chị Trương Thị T và anh Ngô Văn T1.

2. Về án phí: Chị Trương Thị T phải nộp 300.000đ án phí không công nhận vợ chồng sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA4581 ngày 29/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã K;
- Lưu VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thế Anh